TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ LỘC** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66 /2022/DS-ST
Ngày: 14-10-2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Xuân Huế

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Hoàng Ái Thụy và ông Hồ Sỹ Định.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thể, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trần Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2022/TLST-DS ngày 13/6/2022, về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Trần Xuân N, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn N Phước, xã L, huyện P1, tỉnh T1.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu P, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn TY, xã L1, huyện P, tỉnh T (Văn bản ủy quyền ngày 21/9/2022), bà P có mặt

- Bị đơn: Ông Bùi Hữu K, sinh năm 1987 và bà Phan Thị L, sinh năm 1989. Đều có địa chỉ; Thôn Hiền Hòa 1, xã V, huyện P, tỉnh T. Ông K có mặt, bà L vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Đắc Thực và Luật sư Phùng Văn Cầu – Công ty Luật TNHH Minh T2. Địa chỉ; Tầng 4 C16-NV5, ô số 21 KĐT Hai bên đường Lê Trọng Tấn, xã La, huyện Ho, thành phố Ha. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/02/2022 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ông Trần Xuân N có cho vợ chồng ông Bùi Hữu K và bà Phan Thị L vay số tiền là 500.000.000 đồng, hai bên đã lập hợp đồng vay tiền có công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Thu Hiên, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 18/01/2021. Thời hạn vay là 01 năm tính từ ngày 18/01/2021 đến ngày 18/01/2022, lãi suất vay 20%/năm và được thanh toán cuối kỳ khi hoàn trả nợ gốc. Tuy nhiên, khi hết thời hạn vay, vợ chồng ông Bùi Hữu K và bà Phan Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cả tiền gốc và tiền lãi nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Bùi Hữu K và bà Phan Thị L phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 500.000.000 đồng và các khoản tiền lãi gồm:

+ Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng là: 20%/năm x 500.000.000 đồng x 1 năm (Từ ngày 18/01/2021 đến ngày 18/01/2022) = 100.000.000 đồng.

+ Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả tính từ ngày 19/01/2022 đến ngày 03/10/2022 là: 0,83%/tháng x 500.000.000 đồng x 8 tháng 15 ngày = 35.275.000 đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi nguyên đơn yêu cầu là: 635.275.000 đồng.

Thời gian từ ngày 04/10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi quá hạn.

Đối với số tiền lãi chậm trả lãi trong hạn tính đến ngày 03/10/2022 là 7.055.000 đồng, nguyên đơn rút lại yêu cầu, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản trình bày ý kiến, lời khai trong quá trình tố tụng, tại phiên tòa, bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Bị đơn thừa nhận có vay của ông Trần Xuân N số tiền 500.000.000đồng, thỏa thuận như nguyên đơn trình bày là đúng. Tuy nhiên, do làm ăn thua lỗ nên ông K, bà L không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Bị đơn đồng ý trả khoản nợ gốc 500.000.000 đồng cho nguyên đơn theo P thức trả nợ như sau: Từ tháng 9/2022 đến tháng 12/2022 mỗi tháng trả số tiền 5.000.000 đồng, số tiền còn lại, 6 tháng vợ chồng ông K, bà L sẽ trả 1 lần, mỗi lần 50.000.000 đồng cho đến hết số nợ. Đối với số tiền lãi, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bị đơn đề nghị nguyên đơn miễn tiền lãi.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 điều 26, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 280, 288;

Điều 357, Điều 463, Điều 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/21016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn là bà Phan Thị L, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Các đương sự đều thừa nhận ngày 18/01/2021, nguyên đơn và vợ chồng bị đơn đã ký hợp đồng vay tiền có công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Thu Hiên, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó nguyên đơn đã cho bị đơn vay số tiền 500.000.000 đồng; thời hạn vay 01 năm từ ngày 18/01/2021 đến ngày 18/02/2022, lãi suất vay 20%/năm. Như vậy, hợp đồng vay giữa các bên là hợp đồng vay có kỳ hạn nên vợ chồng ông K, bà L phải có nghĩa vụ trả đủ tiền và lãi cho ông N khi đến thời hạn, Tuy nhiên, vợ chồng ông K, bà L đã vi phạm nghĩa vụ về thời hạn trả nợ, đến nay đã quá thời hạn hơn 08 tháng nhưng bị đơn vẫn chưa trả tiền gốc và lãi cho nguyên đơn. Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân N là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận, buộc vợ chồng ông Bùi Hữu K và bà Phan Thị L phải liên đới trả số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng cho ông Trần Xuân N.

[2] Đối với khoản tiền lãi: Các bên thỏa thuận mức lãi suất 20%/năm là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Nguyên đơn yêu cầu tính mức lãi suất nợ quá hạn 0,83%/tháng là phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Do đến hạn bị đơn không trả đủ nợ gốc và lãi cho nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả các khoản lãi trong hạn và lãi quá hạn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần buộc ông K và bà L phải trả tiền lãi trong hạn trên nợ gốc chưa trả theo thỏa thuận trong hợp đồng số tiền là: 100.000.000 đồng, tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả tính từ ngày 09/01/2022 đến ngày 03/10/2022 là 35.275.000 đồng.

Từ ngày 04/10/2022 đến ngày 14/10/2022, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi quá hạn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi chậm trả lãi trong hạn. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tiền lãi chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn.

[3]Về P thức trả nợ: Các đương sự không thống nhất được P thức trả nợ. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ 01 lần, bị đơn không đồng ý. Xét do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết, do đó, căn cứ vào các Điều 280, Điều 471 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông Bùi Hữu K và bà Phan Thị L phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ một lần số tiền 635.275.000 đồng cho ông Trần Xuân N.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Hữu K và bà Phạm Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 29.411.000đồng (20.000.000đồng + (4% x 235.275.000 đồng)

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 26, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 280, 288; Điều 357, Điều 463, Điều 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/21016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Xuân N. Buộc ông Bùi Hữu K và bà Phan Thị L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Xuân N số tiền 635.275.000 đồng (Trong đó: nợ gốc là 500.000.000 đồng; lãi trong hạn là 100.000.000 đồng và lãi quá hạn là 35.275.000 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất nợ quá hạn thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả tiền lãi chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Bùi Hữu K và bà Phan Thị L phải chịu 29.411.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Trần Xuân N số tiền 14.100.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002513, ngày 06/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn bà Phan Thị L vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND, VKSND tỉnh T.T-Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Xuân Huế